



Hội thảo “Sự tham gia của khu vực tư nhân vào thực hiện
Cam kết của Việt Nam tại COP 26 trong lĩnh vực NN&PTNT: Thách thức và Cơ hội”

Dak Lak - 20109/2022

**Tổng quan về cam kết tại COP 26 liên quan đến ngành nông
nghiệp và những chính sách, kế hoạch để triển khai thực hiện**



Lê Hoàng Anh

T.S Trần Đại Nghĩa

Tổ Chuyên gia giúp việc Tổ công tác thực hiện COP 26

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam và các cam kết mới tại COP 26 liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất (AFOLU)

Lĩnh vực	Đóng góp với nguồn lực trong nước		Đóng góp với sự hỗ trợ quốc tế		Tổng đóng góp bằng cả nguồn lực trong nước và hỗ trợ quốc tế	
	So với kịch bản TT (%)	Lượng giảm (Tr. t CO2 tđ)	So với kịch bản TT (%)	Lượng giảm thiểu (Tr. t CO2 tđ)	So với kịch bản TT (%)	Lượng giảm thiểu (Tr.t CO2 tđ)
Năng lượng 5. J	5,5	51,5	11,2	104,3	167	155,8
Nông nghiệp	0,7	6,8	2,8	25,8	3,5	32,6
LULUCF*	1,0	9,3	1,3	11,9	2,3	21,2
Chất thải	1,0	9,1	2,6	24,0	3,6	33,1
IP	0,8	7,2	0,1	0,8	0,9	8,0
Tổng cộng	9,0	83,9	18,0	166,8	27,0	250,8

Lưu ý (): tăng hấp thu khí nhà kính*

- Phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050
 - Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất
 - Chuyển đổi sinh thái hệ thống nông sản thực phẩm
- Đến năm 2030**
- Cắt giảm 30% lượng mêtan so với năm 2020 (GMP)
 - Tốc độ tăng trưởng GTSX 2,5-3%/năm
 - Năng suất lao động trung bình 5,5-6%/năm
 - Thu nhập trong lĩnh vực nông nghiệp: 2,5-3 lần so với năm 2020
 - Tăng trưởng giá trị xuất khẩu: 5-6%/năm
 - Hộ nghèo đa chiều giảm 1-1,5%/năm (10,83 và 5,77 vào tháng 1/2022)
 - Sản lượng gỗ khai thác: 50 triệu m3



2. CAM KẾT GIẢM PHÁT THẢI KHÍ MÊ-TAN TOÀN CẦU *103 quốc gia thông qua*

- Cam kết giảm ít nhất 30% phát thải khí mê-tan toàn cầu vào 2030 so với 2020.
- Giảm thiểu phát thải khí mê-tan thông qua đổi mới quy trình và ứng dụng công nghệ
- Tiến tới áp dụng kiểm kê khí mê-tan theo phương pháp bậc cao đảm bảo chính xác, minh bạch, nhất quán và đầy đủ
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê tan đến năm 2030
(Quyết định 942 QĐ-TTg ngày 5/8/2022)

3. TUYÊN BỐ GLASGOW CỦA CÁC NHÀ LÃNH ĐẠO VỀ RỪNG VÀ SỬ DỤNG ĐẤT (141 quốc gia thông qua, bao gồm Việt Nam)



Ngăn chặn và đảo ngược tình trạng mất rừng và suy thoái đất vào năm 2030, mang lại sự phát triển bền vững và thúc đẩy chuyển đổi nông thôn toàn diện.



Bảo tồn rừng và các hệ sinh thái trên cạn, đẩy nhanh quá trình phục hồi rừng và hệ sinh thái;



Tạo điều kiện chính sách thương mại và phát triển, thúc đẩy PTBV, không gây mất rừng và suy thoái đất



Giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương, tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao sinh kế nông thôn



Thực hiện/chuyển đổi chính sách, chương trình NN khuyến khích nông nghiệp bền vững, thúc đẩy an ninh lương thực và tránh gây hại cho môi trường



Cam kết tài chính, liên kết các dòng tài chính, tăng đáng kể nguồn tài chính, đầu tư, hiệu quả và khả năng tiếp cận cho nông nghiệp bền vững, QLRBV, bảo tồn và phục hồi rừng, hỗ trợ cộng đồng địa phương



Tạo điều kiện liên kết các dòng tài chính cho mục tiêu đảo ngược tình trạng mất rừng; đảm bảo chính sách mạnh mẽ cho cải thiện rừng, sử dụng đất bền vững, đa dạng sinh học và các mục tiêu về khí hậu

4. *Chương trình Hành động Chính sách về Chuyển đổi sang Nông nghiệp và Lương thực bền vững* (17 quốc gia tham gia)

- “ **Nông nghiệp bền vững:**
- 4 Hỗ trợ tạo ra sinh kế và thu nhập tốt hơn cho nông dân
 - 4 Tránh làm suy thoái môi trường và tài nguyên thiên nhiên
 - 4 Sử dụng đầu vào và tài nguyên một cách hiệu quả
 - 4 Tính đến các lợi ích tổng thể về tính toàn vẹn của hệ sinh thái
 - 4 Thúc đẩy các hoạt động nông nghiệp giảm thiểu phát thải khí nhà kính
 - 4 Bảo vệ không khí và nguồn nước khỏi ô nhiễm



Các chính sách liên quan

- Chiến lược quốc gia về TTX (QĐ/1658/2021), KHHĐ về TTX quốc gia (882 / QĐ-TTg -07 / 2022), KH ngành NN thực hiện CL TTXQG (3444/QĐ-BNN-KH/9-2022)
- Chiến lược quốc gia U'PBĐKH đến 2050 (896 / QĐ-TTg - 7/2022)
- Chiến lược PTNN-NT bền vững 150/QĐ-TTG, 2022)
- Các chương trình mục tiêu: Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống thiên tai; Chiến lược chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, phòng chống thiên tai
- Thực hiện Thỏa thuận Paris (QĐ 2053/QĐ-TTg năm 2016); QĐ số 891/QĐ-BNN-KHCN (2020)
- Kế hoạch thích ứng QG (1055 QĐ/TTG, 156/BNN-KHCN. 2021)
- NDC của Việt Nam (2020)-đang cập nhật mới
- Nghị định 06/2022 (KHHĐ giảm PT KNK và CH₄) –KH giảm phát thải KNK và MT ngành NN&PTNT đến 2030, tầm nhìn 2050 (đang hoàn thiện)
- Các KHHĐ khác (chuyển đổi chuỗi LTTP BV, Rừng và SD đất, ..)

**Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ
quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn**

Bộ quản lý lĩnh vực	Lĩnh vực	Mục tiêu giảm nhẹ tối thiểu đến năm 2030 (tr tCO₂td)
Bộ Công Thương	- Sản xuất năng lượng - Tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp	268,5
Bộ Giao thông vận tải	- Tiêu thụ năng lượng trong giao thông vận tải	37,5
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Tiêu thụ năng lượng trong nông nghiệp - Sản xuất nông nghiệp - Lâm nghiệp	129,8
Bộ Xây dựng	- Các quá trình công nghiệp - Tiêu thụ năng lượng trong sản xuất xi măng - Tòa nhà	74,3
Bộ Tài nguyên và Môi trường	- Xử lý chất thải	53,7

Kế hoạch hành động giảm PT khí mê-tan(942/QĐ-TTg -8/2022)

Các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch:

- Đầu tư cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng đáp ứng kỹ thuật tưới tiên tiến, hiện đại, đồng bộ, khép kín cho các khu vực sản xuất lúa tập trung; chủ động rút nước giữa vụ; áp dụng các biện pháp tưới nước và canh tác lúa tiên tiến, tiết kiệm nước phù hợp với điều kiện từng vùng nông nghiệp để giảm PT khí metan;
- Mở rộng mô hình luân canh lúa - tôm và chuyển đổi từ lúa nước sang các cây trồng cạn có hiệu quả kinh tế cao hơn phù hợp với điều kiện cụ thể từng địa phương; điều chỉnh cơ cấu cây trồng, mùa vụ, quy trình, kỹ thuật trồng trọt nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và giảm PT khí metan;
- Chấm dứt đốt phế, phụ phẩm nông nghiệp thông qua cải tiến, áp dụng trên diện rộng quy trình, công nghệ thu gom tập trung, phân loại, xử lý, tái sử dụng, tuần hoàn, chuyển đổi mục đích sử dụng phế, phụ phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị kinh tế, chuyển đổi cacbon trong sinh khối cây trồng thành cacbon bền vững và năng lượng sạch, tăng tích lũy cacbon trong đất nhằm giảm PT khí metan;
- Thay đổi, cải thiện và sử dụng các chế phẩm phù hợp trong KP ăn nhằm tăng năng suất, giá trị kinh tế trong chăn nuôi gia súc và giảm PT khí metan; lai cải tạo giống gia súc có năng suất chất lượng cao và phù hợp nhằm tăng năng suất, hiệu quả chăn nuôi; phát triển, khai thác hiệu quả các mô hình khí SH và ứng dụng công nghệ trong sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải chăn nuôi; thu hồi và sử dụng khí metan trong xử lý chất thải chăn nuôi vào các hoạt động trong chăn nuôi gia súc và sản xuất điện năng.

MỤC TIÊU CỦA KH PHÁT THẢI KNK/MT NGÀNH NNPTNT

Đến năm 2030, đạt được tổng mức giảm phát thải ròng là 129,8 triệu tấn CO₂tđ (gồm cả phát thải do sử dụng năng lượng trong NN); phát thải mêtan sẽ không vượt quá 45,9 triệu t CO₂tđ (30,9 triệu tCO₂tđ trong cây trồng và 15,2 triệu t CO₂tđ trong chăn nuôi); Góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia đưa phát thải ròng về 0 vào năm 2050, đồng thời đảm bảo phát triển và tăng trưởng bền vững, giảm ô nhiễm môi trường, nâng cao hiệu quả, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp

Mục tiêu cụ thể và lộ trình

Đến 2025

Nông nghiệp:

- Giảm 14,35% so với BAU (15,67 Tr.tCO₂ tđ): trồng trọt: 12,17 Tr.tCO₂ tđ, chăn nuôi 3,49 Tr.tCO₂tđ,
- Phát thải metan: không vượt quá 42,2 triệu tấn CO₂tđ đối với trồng trọt và 16,8 triệu tấn CO₂tđ lĩnh vực đối với chăn nuôi

LN&SDĐ: giảm phát thải KNK 27,7 Tr.tCO₂ tđ
Giảm PT ròng 65,6 tr. tCO₂tđ

Đến 2030

Nông nghiệp:

- Giảm phát thải 31% so với BAU (34,74 tr tCO₂tđ) trong đó 28,27 MtCO₂e từ sản xuất cây trồng và 6,47 tr t CO₂tđ từ CN
- - Phát thải metan: không vượt quá 30,7 tr tCO₂tđ đối với LV trồng trọt và 15,2 tr tCO₂tđ đối với LV chăn nuôi

LN&SDĐ: giảm phát thải KNK 84,5 Tr.tCO₂ tđ
Giảm PT ròng 95,3 tr. tCO₂tđ

Đến 2050

Nông nghiệp:

- Giảm 58 Tr.tCO₂ tđ): trồng trọt 44,96Tr.tCO₂ tđ, chăn nuôi 13,04 Tr.tCO₂tđ,
- Tổng KNK NN không vượt quá 56 Tr.tCO₂tđ

-LN&SDĐ: giảm phát thải KNK 125 Tr.tCO₂ tđ
-Giảm PT ròng 185,2 tr. tCO₂tđ